

CHÍNH TRỊ - LUẬT

CHIẾN TRANH MA TÚY VÀ TÌNH HÌNH XUNG ĐỘT Ở COLOMBIA

Đỗ Trọng Quang

Tháng 12/2005, ông Evo Morales được bầu làm Tổng thống Bolivia khiến Chính phủ Hoa Kỳ sững sờ. Chẳng những Evo Morales là người lớn tiếng công kích chính sách kinh tế của Mỹ mà còn là một trong những chủ trang trại hàng đầu chuyên trồng *coca*, thứ cây mà họ lấy lá để chế biến chất ma túy *cocaine* được bán trên các đường phố nước Mỹ. Nhiều năm qua, các trại chủ Bolivia hết sức ngăn cản nỗ lực xóa bỏ thứ cây được họ trồng từ lâu đời. Và cũng trong gần bốn thập kỷ, Hoa Kỳ kiên trì theo đuổi chiến tranh ma túy, một cuộc chiến tiếp tục định hướng chính sách của Hoa Kỳ ở châu Mỹ Latinh, cụ thể là tại ba nước vùng núi Andes gồm Colombia, Peru, và Bolivia. Từ những năm 1990, Colombia được coi là tuyến đầu của cuộc chiến, nỗ lực của Chính phủ Hoa Kỳ bắt đầu được tiến hành ở đây từ thời Tổng thống George H. W. Bush (tức Bush cha), được ông Bill Clinton đặt thành Kế hoạch Colombia, rồi được Tổng thống George W. Bush hiện nay tăng cường thêm.

Ngày 22/1/2005, ông Evo Morales tuyên bố trong diễn văn nhậm chức rằng “chiến tranh ma túy không thể là một lý do để Chính phủ Hoa Kỳ thống trị các quốc gia chúng ta”. Ông cho rằng chiến dịch đó là cái cớ để người Mỹ can thiệp vào nội tình nước

mình, vì song song với nó, Hoa Kỳ còn chiến đấu chống lực lượng du kích. Cố gắng của người Mỹ trên cả hai mặt trận đều không đạt kết quả mong muốn. Chính phủ Hoa Kỳ muốn giảm nạn nghiện hút trong nước bằng cách cắt đứt nguồn cung ứng khiến giá ma túy tăng cao, gây khó khăn cho người tiêu thụ, song biện pháp này đến giờ không thành công. Trong khi đó, quân du kích hùng mạnh càng khiến tình thế bế tắc. Thất bại của Hoa Kỳ bắt nguồn từ các giả định không đúng mà ta cần tìm hiểu vì chúng chi phối tư duy chiến lược toàn cầu của người Mỹ.

Chiến tranh ma túy

Một số người muốn so sánh chiến dịch chống ma túy ở Colombia với sự can thiệp của Mỹ tại Trung Đông. Thoạt nhìn, tính chất của vấn đề và lợi ích của Hoa Kỳ ở hai vùng có vẻ khác nhau về cơ bản. Đối với châu Mỹ Latinh, người Mỹ không lo lắng về chủ nghĩa khủng bố, đạo Hồi chính thống, dầu lửa, và xung đột sắc tộc, cũng như ngược lại, việc bảo vệ lợi ích và vốn đầu tư của Hoa Kỳ không phải là điều làm họ bận tâm tại Trung Đông. Tuy nhiên, bên dưới những sự khác biệt đó có nhiều vấn đề cần suy nghĩ.

Về chiến dịch chống ma túy, lô-gic của vấn đề có vẻ đơn giản. Cây coca trồng ở Colombia, Bolivia, và Peru đã

từ lâu là nguồn cocaine chủ yếu bán ở Hoa Kỳ. Có thể khống chế nạn nghiện hút bằng cách chặn ma túy tràn vào nước Mỹ, nhưng quan trọng nhất là tìm đến tận nguồn: phá bỏ việc sản xuất và chế biến ở vùng núi Andes.

Trong những năm đầu 1980, Peru và Bolivia là những nước chủ yếu sản xuất lá *coca*, bột của thứ lá đó đã chế biến dở dang được chuyên chở sang Colombia. Tại đây, nó tiếp tục được chế biến rồi vận chuyển bằng tàu biển, máy bay, hay xe tải đến Hoa Kỳ, qua vùng Caribbean, qua Trung Mỹ và Mexico hoặc tới bờ biển Thái Bình Dương. Mặc dầu người Mỹ không ngừng triệt phá các cơ sở sản xuất lá *coca*, nhưng mục tiêu chính của họ là trừ diệt các tổ hợp lớn sản xuất cocaine tại Medellin và Cali, hai thành phố của Colombia. Đây là những tổ chức kiểm soát việc mua bán, chế biến, và chuyên chở hầu hết thứ ma túy này, chúng có lực lượng vũ trang riêng khá mạnh để bảo vệ. Chính phủ Mỹ đã huấn luyện, cung cấp vũ khí, hỗ trợ hậu cần, cố vấn giúp nhà cầm quyền Colombia, và dùng sức ép buộc nước này hành động kiên quyết để tiêu diệt các tổ chức đó. Một cuộc chiến đấu đẫm máu đã diễn ra cướp đi nhiều sinh mạng, kết quả là chúng phải giải thể trong những năm đầu 1990, nhiều tên cầm đầu bị giết, bị bắt, hay đầu hàng để được khoan hồng.

Tuy vậy, kết quả này không tồn tại được lâu, nhiều nhóm buôn lậu xuất hiện thay thế các tổ hợp lớn, hành động kín đáo, chế biến và vận chuyển cocaine và cả heroine sang Hoa Kỳ, giá cả không tăng và nạn nghiện hút không giảm. Hiện nay, chúng vẫn làm ăn phát đạt, mua chuộc cảnh sát, liên kết với lực lượng bán quân sự được quân đội hậu thuẫn.

Nhưng chiến lược của Mỹ đã thay đổi dưới thời Tổng thống Bill Clinton, tập trung chú ý vào nông dân trồng *coca*, cưỡng bức phá hủy hàng vạn mẫu ở vùng núi Andes. Cái gọi là Kế hoạch Colombia được thực hiện năm 2000, một cuộc tiến công lớn chưa từng thấy được phát động chống ma túy. Kế hoạch này tiêu tốn 1,5 tỷ USD để tiêu hủy *coca* ở hai tỉnh Putamayo và Cauqueta, miền Nam Colombia. Số tiền đó được sử dụng để thành lập, huấn luyện và trang bị một lữ đoàn chống ma túy gồm 2.300 người, ngoài 54 máy bay trực thăng tấn công được cấp cho quân đội. Từ năm tài chính 2000 đến 2005, nước Mỹ đầu tư 54 tỷ USD vào Kế hoạch Colombia và các chương trình tiếp theo, nhưng kết quả đạt được không tương xứng với công sức và tiền bạc bỏ ra.

Năm 2004, một diện tích lớn bị phun thuốc diệt cỏ để phá hủy *coca*, nhưng việc trồng thứ cây đó thực ra không thay đổi từ năm 2003. Mặc dầu việc trồng *coca* có những bước thăng trầm, nhưng lá của nó vẫn được cung ứng tương đối ổn định, có khi thừa đáp ứng nhu cầu và giữ cho giá hạ. Từ năm 1988, tổng diện tích đất trồng *coca* ở vùng núi Andes dao động từ 166.000 đến 198.000 hécta. *Coca* trồng năm 2004 là 114.000 hécta, chỉ ít hơn 7 phần trăm so với năm 1999, trước khi Kế hoạch Colombia được thực hiện¹. Nguyên nhân thất bại là ở chỗ, diện tích *coca* bị phá hủy nhanh bao nhiêu thì nông dân lại trồng cây trên đất mới nhanh bấy nhiêu.

John Walters, quan chức cao cấp thuộc một cơ quan chống ma túy của Mỹ, nói rằng: “Lực lượng triệt phá năm 2000 đã phun thuốc tiêu hủy khoảng 120.000 hécta *coca*, nhưng người ta trồng lại nhanh hơn chúng ta thấy họ làm trước đây”. Tuy vậy,

thành công ở các địa phương trong việc tiêu hủy thứ cây đó đã khiến địa điểm sản xuất phải thay đổi. Thí dụ, kết quả đạt được ở Peru và Bolivia trong những năm 1990 khiến việc trồng *coca* phải chuyển sang Colombia, nhưng đã cung cấp việc làm cho hàng vạn bản nông. Hoa Kỳ muốn đẩy việc trồng *coca* khỏi Bolivia và Peru rồi khoanh vùng ở Colombia có lẽ để dễ kiểm soát và tiêu hủy.

Giá *cocaine* trên thị trường cũng thay đổi, chẳng hạn giá bán ở đường phố nước Mỹ hạ từ 161 USD một gam ở nửa đầu năm 2000 xuống 107 USD một gam vào đầu năm 2003, và tiếp tục hạ vào đầu năm 2005. Thịnh thoảng giá *cocaine* có tăng, nhưng nói chung, cứ hạ đều mặc dầu chiến tranh ma túy đã leo thang, mặc dầu việc tiêu hủy *coca* được tiến hành khẩn trương, mặc dầu số lượng ma túy bị bắt khá lớn, điều đó chứng tỏ có một điều gì đó không ổn, thí dụ, giá bán lẻ là khoảng 555 USD một gam năm 1981.

Việc cung cấp *cocaine* có vẻ bị trấn áp kiên quyết, nhưng thực ra người ta không biết trọng tâm cuộc chiến phải đặt ở đâu vì chẳng biết kẻ thù nào mà đánh. Kẻ thù là thị trường kinh tế, và chừng nào ở Hoa Kỳ còn có nhu cầu, thì điều duy nhất có thể làm là tăng giá thật cao để phát hiện những kẻ háms lợi liêu trông, chế biến, vận chuyển, và bán ma túy. *Cocaine* dễ giấu giếm và chuyên chở, lại luôn luôn có nhu cầu về nó; trồng *coca* lấy lá vừa ít tốn kém vừa không khó nhọc; hàng triệu mẫu đất sẵn sàng được sử dụng; lợi nhuận rất hấp dẫn.

Người ta thấy khi các công ty dược phẩm được phép sản xuất *cocaine* hợp pháp, thì giá mỗi gam chỉ từ 10 USD đến 15 USD, nhưng lệnh cấm đã nâng giá lên 150 USD. Như vậy lệnh cấm

đã tạo ra lợi nhuận cao cuốn hút rất nhiều người sẵn sàng liều mạng, sẵn sàng lao vào tội ác để bảo vệ công cuộc kinh doanh. Ngoài ra, việc tiêu hủy *coca* đã đẩy hàng vạn nông dân ra khỏi ruộng đất, một số người trồng thứ cây đó ở chỗ khác, một số nhập vào đoàn người tị nạn đông tới gần hai triệu để tránh nội chiến, một số chạy sang Ecuador, một số khác gia nhập lực lượng du kích. Việc trồng *coca* được chuyển sâu vào rừng rậm Colombia, và bắt đầu lùi về Bolivia.

Một trong những nhược điểm của chiến tranh ma túy là, người ta cho rằng nếu xóa bỏ được việc sản xuất *cocaine* ở châu Mỹ Latinh thì giá cả tại Hoa Kỳ sẽ chịu tác động đáng kể. Nhưng phần lớn ma túy chỉ tăng giá sau khi nó được đưa vào Hoa Kỳ, như thế nghĩa là dù nước này có làm cho lá *coca* tăng giá gấp ba bằng một chương trình tiêu hủy thành công, thì điều đó cũng không khiến giá bán lẻ thay đổi. Một nhân viên tình báo Mỹ đã nói: "Tôi không nghĩ rằng chúng ta có thể đạt tiến bộ về vấn đề ma túy bằng cách leo thang sự có mặt quân sự của chúng ta ở Colombia. Giống như tại Việt Nam, chính sách được vạch ra để thất bại". Cuộc chiến ma túy sai sót một cách tai hại, chẳng có cách nào giảm đáng kể nguồn cung cấp. Lệnh cấm vẫn khiến việc buôn bán, tội ác, và bạo lực tiếp tục diễn ra. Sau sự kiện 11/9, nhiều người trong đảng Dân chủ Mỹ phản kháng việc giúp quân đội Colombia chống ma túy, vì sợ nó sẽ kéo Hoa Kỳ vào một cuộc nội chiến không thể thắng và một nỗ lực kéo dài. Tính phi lý của chính sách càng sâu sắc thêm.

Chiến dịch chống du kích

Cuộc chiến này bắt đầu từ năm 1948, lúc lãnh tụ đảng Tự do có tư

tướng cải cách là Jorge Eliecer Gaitan bị ám sát. Sự kiện đó làm cho việc cải cách ruộng đất và đưa giai cấp nông dân tham gia hệ thống chính trị khép kín, từ trước đến giờ do tầng lớp trên khống chế, không thực hiện được. Ông Gaitan bị ám sát làm bùng nổ một cuộc nội chiến dữ dội giữa phái tự do và phái bảo thủ, kéo dài trên một thập kỷ và làm thiệt mạng 200.000 người. Cuối cùng hai bên đạt được một thỏa thuận chấm dứt xung đột và thành lập Mặt trận Dân tộc. Tuy nhiên, luật pháp và trật tự vẫn khó được tuân thủ vì quân đội và chính quyền trung ương chỉ kiểm soát một cách yếu ớt được vùng nông thôn xa xôi, vì thế các nhóm tự vệ vũ trang thuộc nhiều khuynh hướng chính trị đã nổi lên. Tình thế hỗn loạn, được kích động thêm bằng thu nhập từ buôn bán ma túy, khiến ta càng hiểu nguyên nhân của bạo lực ở Colombia.

Năm 1958, các chính đảng và phong trào cải cách bị gạt khỏi chính trường, và thường bị đàn áp. Hai phái tự do và bảo thủ thuộc Mặt trận Dân tộc tiếp tục chia nhau các chức vụ trong chính phủ, còn quân đội thì trước kia phục tùng chính quyền dân sự, bây giờ hầu như hoạt động độc lập về vấn đề an ninh, vi phạm nhân quyền một cách nghiêm trọng. Trong tình hình đó, các phong trào du kích xuất hiện chống Mặt trận Dân tộc, phong trào lớn nhất là Lực lượng Vũ trang Cách mạng Colombia (FARC), được thành lập năm 1966 dưới sự chỉ huy của Manuel Marulanda, một thủ lĩnh trẻ đã cầm súng chiến đấu từ năm 1949 lúc mới 19 tuổi. FARC tìm cách giành lại những ruộng đất đã bị các địa chủ giàu có và trùm ma túy cướp đi với sự ủng hộ của quan chức, quân đội và cảnh sát địa phương.

Xung đột khiến phần lớn vùng nông thôn Colombia rối loạn trong mấy thập kỷ. Do sự bành trướng của nền nông nghiệp thương mại hóa, nông dân bị xua khỏi ruộng đất ngày càng thất vọng, khiến FARC có cơ sở hậu thuẫn ở nông thôn. Hiện nay, khoảng 1 phần trăm dân số chiếm 55 phần trăm đất trồng trọt². Nhà nước yếu kém, không có khả năng kiểm soát đất nước, đã tạo cơ hội cho du kích liên tục tấn công. Năm 1985, họ đủ mạnh để ngồi vào bàn thương lượng với chính phủ. Cuộc thương lượng thất bại khi chính phủ không ngăn chặn nổi bạo lực đã làm thiệt mạng 3.000 người trong đảng Liên minh Yêu nước do FARC lập nên để tranh cử. Chính sách chống ma túy của Hoa Kỳ cũng góp phần cung cấp tài chính cho các bên tham chiến trong cuộc xung đột ở Colombia: du kích, lực lượng bán quân sự, và quân đội. Như vậy, cuộc chiến ma túy, giống như việc buôn bán ma túy, đã làm cho tình hình xung đột nghiêm trọng thêm.

Trong những năm 1980 và 1990, FARC bắt đầu mở rộng cơ sở kinh tế và tăng cường sức mạnh. Để có nguồn tài chính cho các hoạt động, họ bắt cóc những kẻ có máu mặt để đòi tiền chuộc, đánh "thuế chiến tranh" vào các công ty đa quốc gia, các điền chủ lớn, các chủ nông trại gia súc. Kẻ giàu có tự bảo vệ bằng lực lượng an ninh riêng, khách lữ hành trung lưu liêu ra khỏi đô thị rất có thể bị cướp hay bắt cóc. Những năm cuối 1990, chiến tranh ma túy của Hoa Kỳ đã cung cấp một nguồn tài chính lớn cho FARC.

Lúc việc sản xuất ma túy bị đẩy từ Peru và Bolivia sang Colombia, thì nông dân nghèo ở các vùng do FARC kiểm soát bắt đầu trồng coca để đáp

ứng nhu cầu thị trường, bọn buôn lậu được FARC cho phép vào các vùng đó mua hàng của người sản xuất, người trồng trọt nhỏ được bảo vệ và giá cả được bảo đảm. FARC thu thuế của cả người trồng trọt nhỏ lẫn bọn buôn lậu, khoảng 10 phần trăm giá trị thị trường của *coca* và nhựa thuốc phiện. FARC thu nhập mỗi năm từ ma túy đến 500 triệu USD³. Những năm gần đây, chính FARC cũng trực tiếp buôn ma túy. Vì lý do chính trị, người ta khó đánh giá lời khẳng định của Chính phủ Mỹ về quy mô buôn bán đó là đúng hay sai, chỉ biết rằng Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã ra lệnh truy tố 50 viên chỉ huy FARC về tội buôn bán ma túy.

Chính quyền Mỹ cả dưới thời ông Bill Clinton và ông George W. Bush đều nêu bật mối liên hệ giữa du kích với việc buôn bán ma túy, nhưng đã bỏ quên vai trò của thuế, một nguồn thu nhập của FARC khi Hoa Kỳ đẩy việc trồng *coca* sang Colombia. Tiền họ thu từ “thuế chiến tranh” và thuế ma túy được dùng để phát triển lực lượng. Từ 9.000 tay súng năm 1986, lực lượng FARC đã tăng đến khoảng 20.000-25.000 chiến binh năm 2003. Hỏa lực của họ được tăng cường, hoạt động được mở rộng ở 40 phần trăm các đô thị Colombia. Trong những năm 1990, FARC nắm thế chủ động, nhiều lần đánh bại quân đội.

Sau khi vụ khủng bố 11/9 xảy ra ở Hoa Kỳ, cựu Tổng thống Bill Clinton yêu cầu Quốc hội chấp thuận Kế hoạch Colombia bằng cách nhấn mạnh rằng viện trợ chỉ để dùng cho việc chống ma túy, chứ không phải để chống nổi dậy. Nhưng chính sự kiện 11/9 đó đã cung cấp cơ hội để Mỹ can thiệp rộng hơn, giống như nó tạo cơ

hội cho phái tân bảo thủ thúc đẩy việc lật đổ Saddam Hussein bằng vũ lực.

Tháng 8/2002, Quốc hội Mỹ thông qua luật chống khủng bố, bãi bỏ hạn chế đối với Lữ đoàn Chống khủng bố, cho phép huấn luyện và trang bị lữ đoàn này, vì Chính quyền của Tổng thống Bush gọi quân du kích là “bọn khủng bố ma túy”. Đạo luật đó cùng những luật lệ khác ban hành đầu năm 2003 đã cung cấp 140 triệu USD để gửi binh lính Mỹ sang giúp quân đội Colombia bảo vệ ống dẫn dầu Cano Limon-Covenas dài 480 dặm. Tháng 1/2003, 70 lính Mỹ thuộc Lực lượng Đặc nhiệm được triển khai tới hai căn cứ quân sự ở Arauca.

Chính phủ Mỹ còn khuyến khích và gián tiếp tài trợ các nhóm bán quân sự cánh hữu gọi là *paras*, một nhân tố chủ yếu thứ hai của nội chiến. Trong những năm 1980, các nhóm đó thoát đầu được các chủ trại lớn và bọn buôn ma túy tổ chức và trả công làm đội quân riêng để bảo vệ chúng khỏi bị du kích bắt cóc và tống tiền. Nhưng điền chủ lớn và sĩ quan quân đội địa phương cũng sử dụng *paras* để loại bỏ những nhà hoạt động cơ sở, các thủ lĩnh công đoàn và chính trị gia cánh tả. Trong nhiều năm, Hoa Kỳ chấp nhận sự phát triển của các *paras*, phớt lờ bằng chứng là chúng được quân đội Colombia giúp đỡ, hỗ trợ về hậu cần và tình báo. Những năm cuối 1990, các *paras* được hợp nhất vào Lực lượng Tự vệ Thống nhất Colombia (AUC), quy mô của chúng từ những năm đầu 1990 tăng lên đến 13.000 tên năm 2003.

Paras phát triển bằng hoạt động tội phạm, thông đồng với chính quyền sở tại. Chính phủ trung ương cho chúng có quyền lực chính trị ở các cấp địa phương, ở đó chúng bắt dân nộp “thuế an ninh”. Nhưng phần lớn cơ sở kinh

tế của *paras* được gây dựng do hậu quả của chiến tranh ma túy. Lúc Hoa Kỳ giúp triệt phá các tổ hợp sản xuất ma túy và khuyến khích đưa việc trồng *coca* sang Colombia, thì *paras* trở nên mạnh hơn và hoạt động độc lập hơn. Các tên cầm đầu chuyển sang những hoạt động buôn bán trước kia do các tổ hợp lớn kiểm soát, và dính líu sâu hơn FARC vào việc sản xuất, vận chuyển, và tiêu thụ ma túy ở Hoa Kỳ.

Bây giờ, bọn chỉ huy kiểm soát chừng 40 phần trăm hoạt động buôn bán ma túy ở Colombia, một tên là Diego Fernando Murillo đã bị nhà cầm quyền cho là có liên quan với các băng tội phạm ở Medellin vẫn tiến hành những vụ ám sát. Tên này trước đây phụ trách an ninh cho gia đình Galeano, thành viên của tổ hợp sản xuất ma túy Medellin và là tông phạm của Pablo Escobar, tên trùm ma túy khét tiếng. Năm 2000 và 2001, Murillo trở thành chỉ huy của các "khối" *paras*, và đã bị Viện Công tố Liên bang ở New York yêu cầu dẫn độ sang Mỹ để xét xử về tội buôn bán ma túy.

Tờ báo El Colombiano xuất bản ở Medellin cho biết, các *paras* nhận được 500.000 USD mỗi tháng để canh gác cho tên Diego Montoya Sanchez, một trùm sỏ của tổ hợp sản xuất ma túy North Valle và là một trong mười kẻ đào tẩu bị Cục Điều tra Liên bang (FBI) Mỹ truy lùng gắt gao nhất. Chính phủ Hoa Kỳ còn yêu cầu dẫn độ nhiều tên cầm đầu khác của AUC.

Nhân tố thứ ba của nội chiến là quân đội. Thực ra, quân đội chưa hề coi cuộc chiến ma túy là ưu tiên cần chú ý, nhưng đây là cách để nhận được viện trợ quân sự Mỹ, vì Quốc hội Hoa Kỳ cho đến nay vẫn lưỡng lự

không muốn trợ giúp tài chính cho một hoạt động chống nổi dậy khác. Chiến tranh ma túy cũng là mối lợi của nhiều sĩ quan, những kẻ từ lâu vẫn nhận hối lộ của bọn buôn ma túy. Quân đội và *paras* lại cùng tồn tại và phụ thuộc lẫn nhau, đây là lý do tại sao các chính phủ dân sự coi *paras* là tội phạm, nhưng chưa bao giờ không chế chúng.

Năm 2002, Quốc hội Hoa Kỳ tài trợ một đơn vị đặc nhiệm Colombia để theo dõi *paras*, nhưng quân đội không hành động quyết liệt để kiểm soát chúng. Quân đội từ lâu đã làm ngơ và cộng tác với *paras*. Những năm gần đây, sự lộng hành của quân đội giảm đi nhiều do sức ép của các tổ chức nhân quyền, nhưng hành động phi pháp của *paras* lại tăng lên. Khi các thị trưởng, thống đốc, hoặc cảnh sát báo cho quân đội biết sự đe dọa hoặc kế hoạch tàn sát của *paras*, thì ít khi quân đội hành động kiên quyết. *Paras* và quân đội tiếp tục phối hợp với nhau, các *paras* được trang bị đầy đủ thường xuyên đi qua trạm kiểm soát của quân đội một cách thản nhiên. Một số sĩ quan thậm chí chia sẻ tin tức tình báo với chúng, cung cấp đạn dược cho chúng, và gia nhập hàng ngũ chúng ngoài giờ làm việc.

Cuộc xung đột ở Colombia phát triển thành cái gọi là một "hệ thống chiến tranh", trong đó không bên nào đủ sức mạnh để thắng, nhưng tất cả đều thấy tiếp tục chiến tranh là phù hợp với lợi ích của mình. Một lý do quan trọng của tình thế này là, chính sách chống ma túy của Hoa Kỳ đã cung cấp cho các bên tham chiến phương tiện để duy trì xung đột: tiền bạc cho quân đội; chiến dịch tiêu hủy *coca* khiến việc trồng thứ cây đó chuyển sang Colombia; lợi nhuận cao

kích thích việc buôn bán ma túy và cung cấp thu nhập cho *paras* và FARC; các tổ hợp sản xuất lớn bị phá vỡ, đem lại cơ hội cho *paras* tiếp thu việc kinh doanh.

Theo lời cựa Tổng thống Andres Pastrana, nội chiến chỉ có thể kết thúc bằng thương lượng, và từ giữa những năm 1980, các bên tham chiến nhiều lần ngồi vào bàn thảo luận nhưng không đạt được nhất trí. Ông Andres Pastrana đã đồng ý cung cấp cho du kích một vùng phi quân sự lớn, và cuộc thương lượng được bắt đầu vào năm 1998. Nhưng lúc Kế hoạch Colombia được đề ra năm 1999, thì du kích cho rằng đây là cách tăng cường chiến tranh đánh vào thành trì của họ ở miền Nam Colombia. Còn các tướng lĩnh trong quân đội thì phản đối thương lượng ngay từ đầu và tìm mọi cách phá hoại cuộc đàm phán hòa bình⁴. Về phía FARC, tổ chức này càng không khoan nhượng khi đòi cải cách xã hội và kinh tế giống như cải cách ruộng đất, yêu cầu chia lại của cải và quyền lực, một yêu sách mà giới kinh doanh nông nghiệp không dễ chấp thuận.

Tình hình còn bế tắc hơn nữa vì quân đội không muốn giải thể lực lượng *paras* hoặc phiên chế các sĩ quan và chiến binh FARC vào hàng ngũ mình. Trong khi đó, FARC tin ở nguồn thu nhập kiếm được từ cướp bóc hay bắt cóc những kẻ giàu có, cũng như tin vào nguồn thuế ma túy nên không nhiệt tình thương lượng và cứ tiếp tục tấn công. Đầu năm 2002, nhận thấy Hoa Kỳ và quân đội phản đối thương lượng, ông Pastrana đành chấm dứt đàm phán hòa bình. Tháng Hai năm đó, ông càng quyết định từ bỏ ý định thương lượng khi du kích cướp một máy bay dân dụng và bắt cóc một thượng nghị sĩ.

Tháng 5/2002, ông Alvaro Uribe theo đường lối cứng rắn được bầu làm tổng thống, và được một số người ủng hộ chống giải pháp thương lượng. Được Hoa Kỳ hậu thuẫn, Tổng thống Alvaro Uribe tìm cách chấm dứt nội chiến và phá vỡ hệ thống chiến tranh bằng một chiến lược an ninh quốc gia mới gồm hai yếu tố lớn: giải giáp *paras* thông qua đàm phán và đánh bại du kích. Còn đối với AUC thì thương lượng ngừng hẳn, ân xá cho chúng, giúp chúng tái hòa nhập đời sống cộng đồng, cho chúng hưởng lợi ích kinh tế, giáo dục, và y tế để đổi lấy việc chúng đồng ý giải ngũ. Việc giải ngũ đó thành công có nghĩa là một trong ba lực lượng chủ yếu tạo thành hệ thống chiến tranh đã bị loại trừ. Cuối năm 2005, khoảng 5.000 *paras* tham gia “giải ngũ tập thể”, nhưng cuộc giải ngũ thực ra không thể thủ tiêu tổ chức *paras*, tuy chính quyền Uribe xem đây là một thành công lớn.

Chính phủ không có biện pháp thích đáng để theo dõi các *paras* đã giải ngũ hoặc để ngăn chặn chúng tuyển mộ những tên mới. Tiền lương cao mà *paras* có thể trả bằng buôn bán ma túy đã hấp dẫn nhiều kẻ nhập bọn chúng. Thỏa thuận ngừng bắn bị vi phạm, tàn sát và bắt cóc vẫn xảy ra, hoạt động kinh doanh bất hợp pháp của *paras* cứ tiếp diễn. Chính phủ Mỹ e rằng những tên buôn bán ma túy lớn có thể lợi dụng lệnh ân xá của nhà cầm quyền để tránh bị dẫn độ sang Hoa Kỳ. Một số tên cầm đầu AUC chỉ chịu giải ngũ lúc chắc chắn không bị dẫn độ, người ta phân vân không hiểu “giải ngũ” kiểu đó có thể góp phần phá vỡ hệ thống chiến tranh không. Ở một số vùng, *paras* gia nhập các tổ chức mafia kiểu Ý, bòn rút tiền của công quỹ, đưa người ứng cử vào các chức vụ ở địa phương.

Tổng thống Alvaro Uribe kiên quyết đàn áp du kích, vì giống như các tổng thống tiền nhiệm theo đường lối cứng rắn, ông cho rằng du kích chỉ chịu khuất phục sức mạnh. Uribe được Hoa Kỳ hậu thuẫn mạnh mẽ, Chính phủ Colombia nhận được của Hoa Kỳ máy bay trực thăng Black Hawk, máy bay chở quân, máy bay trinh sát, cố vấn và huấn luyện viên Mỹ, chưa kể những đơn vị tinh nhuệ Colombia chống ma túy do Mỹ đào tạo. Về tài chính, Kế hoạch Colombia viện trợ cho quân đội và cảnh sát nước này gần 2 tỷ USD từ năm 1999 đến tháng 8/2002. Năm 2005, tổng số tiền viện trợ lên tới 3,5 tỷ USD, lại thêm hơn 600 triệu USD nữa cho năm 2006.

Ngay trước khi ông Alvaro nhậm chức tổng thống, viện trợ của Hoa Kỳ đã giúp quân đội chuyển từ thế phòng thủ sang thế tấn công, và bây giờ ông tiếp tục tấn công. Ông bỏ những hạn chế mà hiến pháp quy định đối với quân đội và đối với quyền lực của ông. Nhiều quyền tự do của công dân bị luật khẩn cấp đình chỉ, công tố viên nào lên án quá mạnh những sĩ quan quân đội vi phạm nhân quyền thì bị gạt khỏi chức vụ, nhiều khu "phục hồi" đặc biệt được thiết lập, thí dụ các khu ở Arauca, nơi quân đội có quyền không hạn chế. Năm 2004 và 2005, quân đội tổ chức những cuộc hành quân lớn gọi là Patriot Plan ở miền Nam Colombia.

Sự ủng hộ của Hoa Kỳ và cuộc trấn áp thẳng tay của Tổng thống Alvaro Uribe làm cho tình hình an ninh tốt hơn ở một số khu vực, nhưng để đổi pho lại, du kích thay đổi phương pháp trước sức mạnh của không quân và sự cơ động của máy bay trực thăng. Họ trở lại chiến thuật du kích, hoạt động thành từng đơn vị nhỏ, mai phục, và

phá hủy cơ sở hạ tầng. Quân đội không đánh được du kích một đòn nặng nào, du kích lại tấn công vào năm 2005 và giết chết 600 nhân viên an ninh vũ trang.

Lực lượng an ninh tuy kiểm soát được một số đô thị nhưng không thể đưa vào đây những dịch vụ như giáo dục và y tế để củng cố sự hiện diện của chính phủ, thế là những đô thị đó vẫn dễ bị tổn thương trước đòn tấn công của du kích. Viện nghiên cứu Seguridad y Democracia của Colombia kết luận rằng, du kích duy trì được sức mạnh ở nhiều vùng, phân lớn lực lượng FARC hầu như còn nguyên vẹn và có khả năng tấn công quân đội, cảnh sát, và cơ sở hạ tầng kinh tế. Chẳng thể tin rằng trang bị, viện trợ, công tác huấn luyện của Hoa Kỳ hoặc khả năng của Lực lượng Đặc nhiệm sẽ đảo ngược tình thế trong cuộc xung đột ma túy đang kích thích nội chiến. Hệ thống chiến tranh rất có thể vẫn tồn tại, vì tình hình bế tắc có lúc tăng lúc giảm nhưng tiếp tục được duy trì.

Kết luận

Chiến tranh ma túy và cuộc chiến chống nổi dậy đan xen nhau trong sự can thiệp của Hoa Kỳ. Đây là sự can thiệp đơn phương vì Hoa Kỳ không tham khảo ý kiến của đồng minh, không đưa ra thảo luận ở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Huấn luyện, trang bị, hậu cần, việc tiêu hủy coca và cây thuốc phiện được thực hiện hoàn toàn theo ý Hoa Kỳ. Từ ngày ông Bush được bầu làm tổng thống, Lực lượng Đặc nhiệm Hoa Kỳ giữ vai trò ngày càng lớn trong việc huấn luyện và làm cố vấn cho quân đội Colombia chống ma túy và chống lực lượng du kích thường phá ống dẫn

dầu ở tỉnh Arauca, do công ty Occidental Petroleum của Mỹ và Chính phủ Colombia đồng sở hữu. Một số người Mỹ tiếc rằng Quốc hội Hoa Kỳ không cho phép Lực lượng Đặc nhiệm trực tiếp sát cánh chiến đấu cùng quân đội Colombia, mà chỉ làm nhiệm vụ huấn luyện. Họ lo lắng về hậu quả của ma túy sản xuất ở Colombia đối với xã hội nước Mỹ.

Nghiện ma túy là vấn đề nghiêm trọng ở Hoa Kỳ, nhưng có người nêu câu hỏi: ma túy sản xuất ở Colombia có phải là nguyên nhân nạn nghiện ma túy ở Hoa Kỳ không? Trừ bỏ việc sản xuất ma túy có giải quyết được nạn nghiện ngập đó không? Đây là những vấn đề gây tranh cãi. Hoa Kỳ thật sự nhằm mục đích gì khi can thiệp vào Colombia, và lúc người Mỹ bố trí lật đổ chính phủ nước ngoài, như hạ bệ ông Moussadeq ở Iran, ông Allende tại Chile, ông Lumumba ở Congo, ông Arbenz tại Guatemala, và gần đây hơn, các chính phủ ở Panama, Serbia, Grenada, và Iraq, thì họ lấy lý do gì. Ở Colombia, ủng hộ một bên trong cuộc nội chiến sẽ không giải quyết được tình hình xung đột, nhất là khi chiến tranh ma túy tạo ra những khoản lợi nhuận khổng lồ cho các bên tham gia xung đột.

Hoa Kỳ nghĩ rằng có thể đào tạo những tiểu đoàn chống ma túy và chống nổi dậy, có khả năng đạt thắng lợi trong cuộc chiến ma túy và đánh bại du kích mà chẳng cần đến lính chiến đấu Hoa Kỳ. Giả định đó đã chi phối tư tưởng chiến lược của Mỹ ở cuối thế kỷ trước. Đây là một giả định được nhiều người chấp nhận khi họ liên tưởng đến thành công của lực lượng viễn chinh thuộc binh chủng lính thủy đánh bộ Mỹ khi chiếm đóng Nicaragua, Cộng hòa Dominica, và Haiti, hay khi huấn luyện các binh

đoàn Cận vệ Quốc gia để tiếp tục duy trì trật tự sau thời gian lính thủy đánh bộ Mỹ rút về nước.

Quả thật những lực lượng này giữ được trật tự trong nhiều thập kỷ, nhưng sau khi họ đánh đổ được các chính phủ dân sự đã để đất nước rối loạn, thì sĩ quan của họ như Batista, Somoza, và Trujillo lại dựng lên chế độ độc tài quân sự. Những kẻ chuyên chế đó được Chính phủ Mỹ nuôi dưỡng trong nhiều thập kỷ bằng viện trợ quân sự và giúp đỡ kinh tế, nhưng khi chúng bị đánh đổ hay ám sát, thì di sản chúng để lại là một đất nước suy thoái và một chính quyền chẳng hơn gì, khiến Hoa Kỳ lại can thiệp lần nữa trong những thập kỷ cuối của thế kỷ trước và ở thập kỷ đầu của thế kỷ này.

Tại El Salvador, nhà cầm quyền Mỹ viện trợ hàng tỷ đôla, chưa kể vũ khí, huấn luyện, và hậu cần, nhưng quân đội nước này không giải quyết được tình hình bế tắc và đánh bại du kích. Khi chính phủ của Tổng thống Bush (cha) chủ trương giải quyết xung đột bằng thương lượng, và lúc Quốc hội Hoa Kỳ đe dọa cắt viện trợ nếu quân đội nước đó không đàm phán nghiêm chỉnh với đối phương, thì chiến tranh mới kết thúc. Như vậy, muốn giải quyết xung đột thì phải xác định được nguồn gốc xung đột.

Ở Colombia, nguồn gốc sâu xa của xung đột không phải ở những người mà Mỹ gọi là “bọn khủng bố ma túy”, mà ở hoàn cảnh nông thôn vô chính phủ đã từ lâu nuôi dưỡng các tổ chức chống lại nhà nước bằng bạo lực, ở tình trạng bất bình đẳng đã bắt rễ sâu, ở việc phân chia ruộng đất và của cải do nông nghiệp bị thương mại hóa trong những thập kỷ gần đây. Không nhìn thấy nguồn gốc giai cấp của xung đột thì các nhà hoạch định chính

sách sẽ nhận thức sai tình hình ở những nước họ muốn kiểm soát.

Người Mỹ không gây ra cuộc nội chiến kéo dài hàng thập kỷ tại Colombia, nhưng chính sách của họ về ma túy đã tạo ra nguồn tài chính cho du kích và lực lượng bán quân sự. Chính thành công của người Mỹ trong việc tiêu diệt các tổ hợp sản xuất lớn sản xuất ma túy, và đẩy việc trồng coca từ Bolivia và Peru sang Colombia, đã tăng nguồn thu nhập rất nhiều cho AUC và FARC.

Rất ít nhà hoạch định chính sách về châu Mỹ Latinh và Trung Đông đặt câu hỏi liệu Hoa Kỳ có đủ sức mạnh làm cho tình hình tốt lên không, vì nghi ngờ khả năng của nước Mỹ có thể bắt lợi cho người nêu câu hỏi, như trường hợp ông Brent Scowcroft, một nhân vật có thể lực trong Chính phủ Hoa Kỳ. Brent Scowcroft từng là cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Bush (cha) và hiện vẫn là bạn thân của cựu tổng thống. Ông còn là trợ lý quân sự của Tổng thống Richard Nixon trong những năm cuối cùng của cuộc chiến tranh Việt Nam. Trước đây, ông đã bảo trợ cho bà Condoleezza Rice, hiện là Ngoại trưởng Hoa Kỳ, và Cố vấn An ninh Quốc gia Stephen Hadley. Ông đã thuyết phục được Tổng thống lúc đó đừng chiếm đóng Iraq: “Nếu

chúng ta vào Baghdad, chúng ta sẽ là kẻ chiếm đóng ở một đất nước thù địch. Lực lượng chúng ta sẽ bị du kích bắn tỉa, và một khi chúng ta đã ở đấy, thì chúng ta sẽ ra như thế nào”.

Trong một bài đăng trên báo Wall Street Journal, ông nói rằng xâm chiếm Iraq sẽ làm lạc hướng chú ý của Mỹ khỏi cuộc chiến chống khủng bố, và chẳng làm được gì để giải quyết cuộc xung đột giữa Palestine và Israel, nguồn gốc chủ yếu của xung đột trong khu vực. Hậu quả là Brent Scowcroft bị đẩy khỏi Nhà Trắng ■

Tài liệu tham khảo:

1. *The New Yorker*, Oct. 31, 2005.
2. *Foreign Policy*, Nov./Dec. 2005.
3. Robert Kaplan, *Imperial Grunts*.
4. Richani, *Systems of Violence*.
5. *Orbis*, Summer 2006.

Chú thích:

- 1) State Department, International Narcotics Control Strategy Report (Washington: Department of State, March 2003).
- 2) Andes 2020: “A New Strategy for the Challenges of Colombia and the Region,” Council on Foreign Relations, January 2004.
- 3) Steven Dudley, *Walking Ghost*, p. 175.
- 4) Nazih Richani, “The Politics of Negotiating Peace in Colombia,” NACLA Report on the Americas, May/June 2005.